

CÔNG TY CPTH GỖ TÂN MAI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08 /CV.GTM

V/v: Công bố Báo cáo tài chính
năm 2020 đã kiểm toán

Đồng Nai, ngày 22 tháng 03 năm 2021

**Kính gửi: -Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên Công ty : Công ty Cổ Phần Tổng Hợp Gỗ Tân Mai
2. Mã chứng khoán: TMW
3. Địa chỉ: 84, Nguyễn Văn Hoa, P.Thống Nhất, Tp Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
4. Điện thoại : 0251 3823730 Fax: 0251 3823731
5. Người thực hiện công bố thông tin: **NGUYỄN THỊ KIM TRANG**
6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ Phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai được lập và được kiểm toán vào ngày 22 /03/2021, bao gồm: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.

6.2 Các tài liệu đính kèm: Văn bản số 08 /CV.GTM ngày 22 /03/2021 v/v giải trình nguyên nhân giảm lợi nhuận sau thuế 2020 so với cùng kỳ năm 2019, ý kiến ngoại trừ của kiểm toán tại báo cáo tài chính năm 2020.

7. Toàn bộ báo cáo tài chính và văn bản giải trình được đăng tải trên website Công ty mục “ Quan hệ cổ đông”

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố .

**GIÁM ĐỐC**
NGUYỄN THỊ MỸ DUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP
GỖ TÂN MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...08.../CV.GTM

Đồng Nai, ngày 22 tháng 03 năm 2021

V/v : Giải trình nguyên nhân giảm lợi nhuận
sau thuế năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019,
ý kiến ngoại trừ của kiểm toán tại Báo cáo tài chính năm 2020

Kính gửi : - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tổ chức niêm yết : Công ty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai - Mã chứng khoán : TMW
Mã ISIN : VN000000TMW3 – Sàn giao dịch : UPCOM
Trụ sở : 84 Nguyễn Văn Hoa, P.Thống Nhất, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Người thực hiện CBTT : Nguyễn Thị Kim Trang – P.Tổ chức Hành chính
Loại thông tin công bố : Bất thường
Thông tin công bố : Giải trình về ý kiến ngoại trừ của kiểm toán tại Báo cáo tài chính năm 2020 và nguyên nhân giảm lợi nhuận sau thuế năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019.

1 Ý kiến ngoại trừ của kiểm toán tại Báo cáo tài chính năm 2020

Tại báo cáo kiểm toán độc lập số 253/2021/BCKT-HCM.01203 ngày 22/03/2021 của Công ty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai về báo cáo tài chính cho năm 2020. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ như sau : “Theo công văn số 261/SNZ – XNGĐ ngày 11 tháng 04 năm 2017 của Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp (Sonadezi), Công ty phải trích lập bổ sung tiền thuê đất từ giai đoạn năm 2006 đến năm 2017 với số tiền là 3.317.318.741 VND và Công ty đã ghi nhận khoản chi phí này vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tuy nhiên, trong năm 2018, Công ty đã hoàn nhập lại Chi phí này vào khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp”. Vấn đề này vẫn chưa được Công ty khắc phục trong năm 2020 dẫn đến báo cáo tài chính đang ghi nhận chưa phù hợp. Nếu Công ty ghi nhận khoản tiền thuê đất nêu trên theo các quy định hiện hành thì trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 chỉ tiêu “ Chi phí phải trả ngắn hạn” (Mã số 315) sẽ tăng thêm 3.317.318.741 VND và chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” (mã số 421) sẽ giảm đi tương ứng 3.317.318.741 VND.”

Công ty có công bố thông tin Báo cáo Tài chính năm 2018 kèm theo văn bản số 04/CV.GTM ngày 29/03/2019 giải trình kiến ngoại trừ của kiểm toán trên báo cáo tài chính 2018, văn bản số 13/CV.GTM ngày 30/03/2020 giải trình ý kiến ngoại trừ của kiểm toán trên báo cáo tài chính 2019, loại thông tin công bố : bất thường. Nay công ty xin nhắc lại như sau :

Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai có đơn vị trực thuộc là Xí nghiệp May Công Nghiệp Đồng Nai nằm trong Khu công nghiệp Biên Hòa 1. Đơn vị trả tiền thuê đất hàng năm cho Tổng Công ty Cổ phần phát triển Khu công nghiệp (SONADEZI). Theo công văn số 261/SNZ-XNGĐ ngày 11/04/2017 của Tổng Công ty Cổ phần phát triển Khu công nghiệp (SONADEZI). Công ty đã ghi nhận vào Báo cáo Tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 khoản chi phí thuê đất điều chỉnh bổ sung cho giai đoạn từ năm đến năm 2017 với số tiền là 3.317.318.741 đồng để dự phòng chi trả nhưng cũng đồng thời phản ánh ý kiến không đồng thuận với yêu cầu của SONADEZI.

Vào ngày 05/04/2018 Tổng Công ty Cổ phần phát triển Khu công nghiệp (SONADEZI) đã ký Phụ lục Hợp đồng số 01 Hợp đồng thuê lại đất và sử dụng hạ tầng tại KCN Biên Hòa 1, trong đó điều chỉnh bổ sung lại tiền thuê đất, phí sử dụng hạ tầng tính từ 01/01/2018 đến 31/12/2020 và không đề cập gì đến vấn đề thu tiền đất bổ sung. Do vậy, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm 2018 chúng tôi nhận thấy việc ghi nhận khoản phải trả cho SONADEZI là không còn cần thiết và đã hoàn nhập khoản trích trước này vào khoản mục chi phí quản lý doanh nghiệp, điều này dẫn đến khoản mục “ Chi phí



phải trả “ tại ngày 31/12/2018 trên Bảng cân đối kế toán và “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trên bảng Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2018 phản ánh giảm tương ứng số tiền 3.317.318.741 đồng.

Đến ngày 31/12/2020 công ty vẫn chưa có phụ lục hợp đồng với Công ty CP Phát triển Khu Công nghiệp (Sonadezi) về số tiền truy thu thuê đất nói trên, nên chưa phản ánh vào Báo cáo Tài chính năm 2020. Kiểm toán viên đã đưa ý kiến ngoại trừ liên quan đến vấn đề này trên Báo cáo kiểm toán độc lập 253/2021/BCKT-HCM.01203 ngày 22/03/2021 do tính thận trọng về vấn đề hoàn nhập này.

2 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2020 tăng lỗ 5,07 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019 như sau :

- Lợi nhuận sau thuế năm 2019 : (1.598.784.357) đồng

- Lợi nhuận sau thuế năm 2020 : (6.670.408.415) đồng

Lợi nhuận tăng lỗ 5.071.624.058 đồng tương đương giảm 417 % so với cùng kỳ báo cáo năm 2019, nguyên nhân chủ yếu như sau :

- Số lượng lao động trực tiếp của công ty biến động lớn : Số lao động đầu năm 2020 là 409 người, đến 31/12/2020 còn 96 người (trong kỳ tăng 49 người, giảm 362 người)..

- Công ty phải ngưng hoạt động chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Xí nghiệp May Công nghiệp Đồng Nai do hoạt động không hiệu quả, lỗ lũy kế xí nghiệp này trong năm 2020 : 12,4 tỷ đồng. (trong đó giải quyết chế độ cho người lao động nghỉ việc là 3,16 tỷ đồng, tiền hỗ trợ người lao động nghỉ việc là 2,1 tỷ đồng).

Trên đây là nội dung giải trình của Công ty để làm rõ vấn đề liên quan kết luận ngoại trừ của kiểm toán viên trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, nêu rõ nguyên nhân dẫn đến tình hình kinh doanh năm tài chính 2020 tại công ty giảm sút, kết quả kinh doanh bị lỗ.

Trân trọng kính chào.



Đương Thị Mỹ Dung



Nơi nhận :

- Như trên
- Lưu văn thư, CBTT



TỔNG CÔNG TY SONADEZI

Địa chỉ: Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Tel : 84.61.8860561/562/563 Fax : 84.61.8860573
E-mail : marketing@sonadezi.com.vn Website : http://www.sonadezi.com.vn

ISO 9001

Số: 261/SNZ-XNGD
V/v truy thu tiền thuê đất từ 01/01/2006
đến 31/01/2016 tại KCN Biên Hòa 1

Đồng Nai, ngày 11 tháng 4 năm 2017

Kính gửi: ...C.N.Y...CP...T.Ấ.N.G...hợp...g.đ...T.Ấ.N...M.Ấi.....

Căn cứ các văn bản của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về giá thuê đất tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 gồm Công văn số 323/STC-GCS ngày 21/2/2011, Công văn số 1605/STC-GCS ngày 30/5/2012;

Thực hiện Quyết định số 2091/QĐ-UBND ngày 26/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa, Tổng Công ty CP phát triển KCN đã tiến hành IPO vào ngày 30/12/2015. Đến ngày 25/01/2016, Tổng công ty CP phát triển KCN đã họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ I và ngày 01/02/2016 đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần.

Căn cứ công văn 840/TTg-KTN ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn truy thu tiền thuê đất của Tổng Công ty phát triển khu công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/09/2016 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 21/3/2017 về việc xác định nghĩa vụ tài chính về tiền thuê đất của Khu công nghiệp Biên Hòa 1 của Tổng công ty CP Phát triển khu công nghiệp;

Tổng công ty CP phát triển KCN xin thông báo như sau:

I. Về đơn giá tiền thuê đất:

+ Từ ngày 01/01/2006 đến 31/12/2010: đơn giá thuê đất trả tiền hàng năm theo 03 vị trí như sau:

- Vị trí 1: 17.500 đồng/m²/năm.

- Vị trí 2: 8.750 đồng/m²/năm.

- Vị trí 3: 5.250 đồng/m²/năm.

+ Từ ngày 01/01/2011 đến 31/12/2015: đơn giá thuê đất trả tiền hàng năm theo 03 vị trí là 20.500 đồng/m²/năm.

+ Từ ngày 01/01/2016 đến 31/01/2016: đơn giá thuê đất trả tiền hàng năm theo 03 vị trí là 6.943 đồng/m²/năm.

2. Số tiền Quý công ty còn phải thanh toán từ 01/01/2006 đến 31/01/2016
(bảng chi tiết đính kèm)

Đề nghị Quý công ty chuyển tiền theo thông tin sau:

Tên TK: Xi nghiệp dịch vụ KCN Giang Điền - CN Tổng công ty CP phát triển KCN

Số TK : 110000072592 tại NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN: KCN Biên Hòa

Số TK: 700006295684 tại NH TNHH MTV Shinhan Việt Nam- CN Biên Hòa, Đồng Nai

Nơi nhận: *[Handwritten mark]*
- Như trên;
- Lưu: VT, XNGD_{KI}



Đ: GIA CẢ T: 030303303303
Công văn ten thuc dat tu 2006 den 31/01/2016.docx

BẢNG KÊ CHI TIẾT THUẾ ĐẤT TỪ NĂM 2006 ĐẾN THÁNG 01/2017
 (đính kèm công văn số: 261/SNZ-VNGD ngày 11/4/2017)

Công ty CP Tổng Hợp Gỗ Tân Mai



ĐVT: đồng

Số TT	Tổng diện tích (m ²)	Đơn giá từ năm 2006-2010						Đơn giá từ 2011-2015	Đơn giá T1/2016	Số phải thanh toán	Đã thanh toán	Số tiền được miễn theo Công văn số: 840/TTg-KTN của Thủ Tướng Chính Phủ ngày 10/6/2013	Còn phải thanh toán
		Diện tích vị trí 1	Đơn giá vị trí 1	Diện tích vị trí 2	Đơn giá vị trí 2	Diện tích vị trí 3	Đơn giá vị trí 3						
1	20.425,90	7.564	17.500	8.732	8.750	4.130	5.250	20.500	6.943	3.257.740.210	164.768.927	-	3.092.971.283

Ba tỷ không tròn chẵn mười hai triệu chín trăm bảy mươi một ngàn hai trăm tám trăm tám mươi ba đồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 01
HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT VÀ SỬ DỤNG HẠ TẦNG
TẠI KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 1
SỐ 76/HĐTĐ/BH1

Căn cứ Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/NĐ-CP ngày 09/09/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Quyết định số 436/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về việc phê duyệt dự án cải tạo, nâng cấp, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 426/QĐ-TTg ngày 12 tháng 04 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về việc cho phép Công ty Phát triển Khu công nghiệp Biên Hòa (nay là Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp) thuê đất đầu tư cải tạo, nâng cấp, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Hợp đồng thuê đất số 583 HĐ/TĐ ngày 22 tháng 01 năm 2003 giữa Sở Địa chính Nhà đất tỉnh Đồng Nai và Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Biên Hòa (nay là Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp);

Căn cứ Văn bản số 323/STC-GCS ngày 21 tháng 02 năm 2011 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về việc giá thuê đất xây dựng KCN Biên Hòa 1 của Công ty Phát triển Khu Công nghiệp tại phường An Bình, thành phố Biên Hòa;

Căn cứ Văn bản số 1605/STC-GCS ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về việc giá thuê đất xây dựng KCN Biên Hòa 1;

Căn cứ Thông báo số 6908/TB.CT ngày 22 tháng 08 năm 2017 của Cục thuế tỉnh Đồng Nai về việc thông báo đơn giá thuê đất;

Căn cứ Hợp đồng thuê đất số 82/HĐTĐ ngày 27/10/2017 ký giữa Ủy Ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và Tổng Công ty Sonadezi;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (ĐKDN) Số 3600335363, đăng ký lần đầu ngày 01/7/2010, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 01/02/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp cho Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 3600254266, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 06 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp cho Công ty cổ phần Tổng hợp Đồng Nai;

Căn cứ Hợp đồng thuê lại đất và sử dụng hạ tầng tại KCN Biên Hòa 1 số

76/HĐTĐ/BH1 ngày 01 tháng 04 năm 2006 ký giữa Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Biên Hòa và Công ty cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai;

Phụ lục Hợp đồng số 01 của Hợp đồng thuê lại đất và sử dụng hạ tầng tại KCN Biên Hòa 1 số 76/HĐTĐ/BH1 ngày 01/04/2006 ký kết giữa Tổng Công ty cổ Phần Phát triển Khu Công nghiệp và Công ty cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai được lập ngày 05 tháng 04 năm 2018 (sau đây gọi tắt là *Phụ lục Hợp đồng số 01*) giữa các Bên gồm:

**BÊN CHO THUÊ (BÊN A): TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN
KHU CÔNG NGHIỆP (TỔNG CÔNG TY SONADEZI)**

- Giấy chứng nhận ĐKDN: Số 3600335363, đăng ký lần đầu ngày 01/7/2010, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 01/02/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.
- Địa chỉ: Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Điện thoại: 84 – 251 – 8860 561
- Fax: 84 – 251 – 8860 573
- Số tài khoản: + Ngoại tệ: 102 020000 029 499
+ Nội tệ : 102 010000 267 942
Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa
- Mã số thuế: 3600 335 363
- Người đại diện: **Ông PHAN ĐÌNH THÁM**
- Chức vụ: Tổng Giám đốc.

BÊN THUÊ (BÊN B): CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

- Giấy chứng nhận ĐKDN: Số 3600254266, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 06 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.
- Địa chỉ: KCN Biên Hòa 1, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Điện thoại: 84 – 251 – 3822 258
- Fax: 84 - 251 – 3823 731
- Số tài khoản: Nội tệ: 0121 000000178
tại Ngân hàng Công thương Chi nhánh KCN Biên Hòa
- Mã số thuế: 3600254266
- Người đại diện: **Bà DƯƠNG THỊ MỸ DUNG**
- Chức vụ: Giám đốc

Hai Bên đã thảo luận và đồng ý ký *Phụ lục Hợp đồng số 01* này với những điều khoản và điều kiện cụ thể như sau:



ĐIỀU 1: THAY ĐỔI TÊN VÀ THÔNG TIN PHÁP NHÂN CỦA BÊN A ĐỐI VỚI HỢP ĐỒNG SỐ 76/HĐTĐ/BH1

1.1. Bên A và Bên B đồng ý và thống nhất thay đổi tên và thông tin pháp nhân của Bên A đối với Hợp đồng số 76/HĐTĐ/BH1.

1.2. Điều chỉnh nội dung thông tin của Bên A như sau:

Tên Bên Cho thuê lại đất (Bên A) theo Hợp đồng 76/HĐTĐ/BH1 trước khi điều chỉnh:

CÔNG TY PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA

Tên Bên Cho thuê lại đất (Bên A) theo Phụ lục Hợp đồng số 01 Hợp đồng 76/HĐTĐ/BH1 sau khi điều chỉnh:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP.

ĐIỀU 2: ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG KHOẢN 3.1 VÀ KHOẢN 3.2, ĐIỀU 3 CỦA HỢP ĐỒNG SỐ 76/HĐTĐ/BH1 – TIỀN THUÊ LẠI ĐẤT VÀ ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN

2.1 Điều chỉnh nội dung Khoản 3.1, Điều: Tiền thuê lại đất

Khoản 3.1, Điều 3 :

Tiền thuê lại đất được tính từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 31/12/2020 được quy định như sau :

Bên B trả tiền thuê lại đất cho Bên A theo mức giá tiền thuê đất của Bên A trả cho Nhà nước.

+ Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2020, tiền thuê lại đất là **7.858 đồng/m²/năm** (chưa bao gồm VAT) áp dụng cho diện tích đất là **20.425,9m²**.

Bên B thống nhất chi trả số tiền thuê lại đất chênh lệch giữa đơn giá tiền thuê lại đất tại Phụ lục Hợp đồng này và Hợp đồng số 76/HĐTĐ/BH1 ngày 01 tháng 04 năm 2006.

2.2 Điều chỉnh, bổ sung nội dung Khoản 3.2, Điều 3: Điều kiện thanh toán

Khoản 3.2, Điều 3 :

Bên B thanh toán khoản tiền thuê lại đất được quy định tại Hợp đồng số 76/HĐTĐ/BH1 và tại khoản 2.1, Điều 2, cụ thể như sau:

+ Từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2020:

- Số tiền phải trả mỗi năm (chưa bao gồm VAT) là:

$20.425,9 \text{ m}^2 \times 7.858 \text{ đồng/m}^2/\text{năm} \times 01 \text{ năm} = 160.506.722 \text{ đồng.}$

(Bằng chữ: một trăm sáu mươi triệu năm trăm lẻ sáu ngàn bảy trăm hai mươi hai đồng)

- Thời hạn thanh toán: chậm nhất vào ngày 30 tháng 06 hàng năm.

+ Từ ngày 01/01/2021 đến hết thời hạn thuê: tùy theo sự điều chỉnh của Nhà nước, Bên A sẽ thông báo đơn giá tiền thuê lại đất phải trả tương ứng đến Bên B bằng

54266
CÔNG TY
PHÁT
TRIỂN KHU
CÔNG NGHIỆP
BIÊN HÒA 1

3000
CÔNG
TY
PHÁT
TRIỂN KHU
CÔNG NGHIỆP
BIÊN HÒA 1

văn bản.

- + Bên B có trách nhiệm trả thuế Giá trị gia tăng cho Nhà nước theo quy định hiện hành.

ĐIỀU 3: ĐIỀU CHỈNH MỘT PHẦN NỘI DUNG KHOẢN 4.1, ĐIỀU 4 CỦA HỢP ĐỒNG SỐ 76/HĐTĐ/BH1 – PHÍ SỬ DỤNG HẠ TẦNG.

Điều chỉnh, bổ sung một phần nội dung Khoản 4.1, Điều 4:

Khoản 4.1, Điều 4:

- Bên B trả Phí sử dụng hạ tầng cho Bên A là: 9.100 đồng/m²/năm (giá chưa bao gồm VAT). Phí sử dụng hạ tầng được tính từ ngày 01/01/2018.
- Phí sử dụng hạ tầng này sẽ được điều chỉnh tăng hàng năm với tỷ lệ tăng tối đa 3%.
- Bên B thanh toán Phí sử dụng hạ tầng hàng năm cho Bên A theo mức phí được xác định tại Giấy báo thanh toán của Bên A.

ĐIỀU 4: BỔ SUNG KHOẢN 9.5, ĐIỀU 9 CỦA HỢP ĐỒNG SỐ 76/HĐTĐ/BH1 – CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG.

Bổ sung Khoản 9.5, Điều 9:

Khoản 9.5, Điều 9 :

Khi đề án khắc phục ô nhiễm môi trường và chuyển đổi công năng KCN Biên Hòa 1 được Nhà nước phê duyệt, Bên B phải tuân thủ nội dung đề án và cam kết thực hiện chuyển đổi, di dời theo đúng kế hoạch, tiến độ đã được Nhà nước phê duyệt.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

- 5.1 *Phụ lục Hợp đồng số 01 này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng thuê đất số 76/HĐTĐ/BH1 ngày 01/04/2006 và nội dung thể hiện trong Phụ lục Hợp đồng số 01 này thay thế cho tất cả các thỏa thuận bằng lời nói hay các trao đổi, cam kết trước đây giữa Hai Bên.*
- 5.2 *Ngoài các nội dung được sửa đổi theo Phụ lục Hợp đồng số 01 này, tất cả các điều khoản, điều kiện khác của Hợp đồng thuê đất số 76/HĐTĐ/BH1 và các Phụ lục có liên quan đều không thay đổi và giữ nguyên hiệu lực pháp lý.*
- 5.3 *Mọi điều khoản không được quy định cụ thể tại Phụ lục Hợp đồng số 01 này sẽ được Hai Bên thực hiện theo Luật pháp Việt Nam.*
- 5.4 *Sự vô hiệu hoặc không thực thi của bất cứ điều khoản nào nêu tại Hợp đồng và các Phụ lục Hợp đồng có liên quan sẽ không làm ảnh hưởng, vô hiệu hóa, tạo hoặc gây ra sự không thực thi đối với các điều khoản còn lại của Hợp đồng/ Phụ lục Hợp đồng .*
- 5.5 *Phụ lục Hợp đồng số 01 này có hiệu lực kể từ ngày ký.*
- 5.6 *Phụ lục Hợp đồng số 01 này gồm 05 (năm) trang và được lập thành 04 (bốn) bản có nội dung và ý nghĩa như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản.*

Cả Hai Bên đã đọc lại nội dung, hoàn toàn am hiểu và nhìn nhận là thể hiện đúng ý định của mình.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Phan Đình Thám

ĐẠI DIỆN BÊN B



Đương Thị Mỹ Dung

GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 39

Ban Giám đốc hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600254266, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2006 với các lần thay đổi, thay đổi lần thứ bảy ngày 06 tháng 8 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ : Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : 0251. 3826940 / 8880201 /3823730
- Fax : 0251. 3823731
- Website : www.wood-tanmai.com.vn
- Email : gotanmai@gotanmai.vn / sales@wood-tanmai.com.vn.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán Upcom theo thông báo số 741/TB-SGDHN ngày 08 tháng 12 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với thông tin:

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu Phổ thông
- Mã chứng khoán: TMW
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán đăng ký: 4.662.350 Cổ phiếu
- Tổng giá trị: 46.623.500.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Bán buôn phân bón, hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh);
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn gỗ (từ nguồn gỗ hợp pháp);
- Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Kinh doanh cơ sở hạ tầng. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng (chỉ hoạt động khi có giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật);
- Sản xuất ván ép, ván dăm;
- Sản xuất hàng mộc tinh chế;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (thực hiện theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ) (trừ động vật hoang dã thuộc danh mục cấm).

Trong năm 2020, hoạt động chính của Công ty là sản xuất ván ép, May mặc, cho thuê bất động sản.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Đức Bình	Chủ tịch	28/5/2020	
Ông Phùng Văn Nhi	Chủ tịch		28/5/2020
Bà Dương Thị Mỹ Dung	Phó Chủ tịch		
Ông Trần Hữu Đức	Thành viên		
Bà Phạm Ngọc Tuyết Vân	Thành viên		
Ông Lê Văn Danh	Thành viên		28/5/2020
Ông Tăng Trần Tấn Khải	Thành viên	28/5/2020	

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Dương Thị Mỹ Dung	Giám đốc		
Bà Nguyễn Thị Lệ Hà	Phó Giám đốc		24/4/2020

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lê Thị Xuân Hằng	Trưởng ban	01/6/2020	
Bà Lý Mỹ Hà	Trưởng ban		28/5/2020
Ông Phạm Lan Đình	Thành viên	28/5/2020	
Ông Huỳnh Ngọc Đức	Thành viên		28/5/2020
Ông Nguyễn Diên Anh Khoa	Thành viên		

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là:

Bà Dương Thị Mỹ Dung

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Công bố các báo cáo tài chính

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Bà DƯƠNG THỊ MỸ DUNG
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 22 tháng 03 năm 2021



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai ("Công ty"), được lập ngày 22 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo công văn số 261/SNZ – XNGĐ ngày 11 tháng 04 năm 2017 của Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp (Sonadezi), Công ty phải trích lập bổ sung tiền thuê đất từ giai đoạn năm 2006 đến năm 2017 với số tiền là 3.317.318.741 VND và Công ty đã ghi nhận khoản chi phí này vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tuy nhiên, trong năm 2018, Công ty đã hoàn nhập lại Chi phí này vào khoản mục "Chi phí quản lý doanh nghiệp". Vấn đề này vẫn chưa được Công ty khắc phục trong năm 2020 dẫn đến báo cáo tài chính đang ghi nhận chưa phù hợp. Nếu Công ty ghi nhận khoản tiền thuê đất nêu trên theo các quy định hiện hành thì trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 chỉ tiêu " Chi phí phải trả ngắn hạn" (Mã số 315) sẽ tăng thêm 3.317.318.741 VND và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (mã số 421) sẽ giảm đi tương ứng 3.317.318.741 VND.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính ngày 30 tháng 3 năm 2020 do tính thận trọng về vấn đề hoàn nhập chi phí phải trả tiền thuê đất cho Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp (Sonadezi) trong năm 2018.



TRANG ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

LÊ NGỌC HẢI
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0179-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		20.765.399.575	51.372.151.557
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.836.527.224	10.689.248.555
Tiền	111		1.336.527.224	5.089.248.555
Các khoản tương đương tiền	112		500.000.000	5.600.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.000.000.000	10.000.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	2.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.924.139.850	9.178.651.801
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	14.864.765.226	13.925.466.111
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	66.750.000	121.956.140
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	78.967.976	217.572.902
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(5.086.343.352)	(5.086.343.352)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.7	6.736.559.548	21.149.817.289
Hàng tồn kho	141		7.277.372.034	21.620.932.775
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(540.812.486)	(471.115.486)
Tài sản ngắn hạn khác	150		268.172.953	354.433.912
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	22.172.505	101.282.471
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	246.000.448	253.151.441
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		69.113.548.183	76.669.703.092
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		32.461.095.987	37.679.275.366
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	32.461.095.987	37.679.275.366
Nguyên giá	222		90.998.751.470	98.468.374.843
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(58.537.655.483)	(60.789.099.477)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	-
Nguyên giá	228		167.243.000	167.243.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(167.243.000)	(167.243.000)
Bất động sản đầu tư	230	5.11	36.385.574.439	38.532.140.630
Nguyên giá	231		59.564.143.487	59.564.143.487
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(23.178.569.048)	(21.032.002.857)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		250.000.000	250.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2.1	250.000.000	250.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		16.877.757	208.287.096
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	16.877.757	208.287.096
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		89.878.947.758	128.041.854.649

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		18.530.981.568	46.759.835.044
Nợ ngắn hạn	310		15.688.815.136	45.567.370.044
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	2.154.414.385	3.458.608.875
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	1.307.453.641	2.917.146.068
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	322.600.720	354.428.433
Phải trả người lao động	314		1.120.656.724	2.421.985.102
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	877.114.620	1.642.016.278
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	43.636.362	45.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17.1	7.083.734.296	4.397.914.184
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	2.168.492.024	29.561.352.550
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.19	610.712.364	768.918.554
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		2.842.166.432	1.192.465.000
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.17.2	2.842.166.432	1.192.465.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		71.347.966.190	81.282.019.605
Vốn chủ sở hữu	410	5.20	71.347.966.190	81.282.019.605
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		46.623.500.000	46.623.500.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		46.623.500.000	46.623.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		24.225.364.017	24.225.364.017
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		499.102.173	10.433.155.588
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		7.169.510.588	12.031.939.945
LNST chưa phân phối năm nay	421b		(6.670.408.415)	(1.598.784.357)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		89.878.947.758	128.041.854.649


PHẠM NGỌC TUYẾT VÂN
Người lập biểu


PHẠM NGỌC TUYẾT VÂN
Kế toán trưởng


DƯƠNG THỊ MỸ DUNG
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 22 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		78.362.700.698	168.900.304.108
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	12.478.750
Doanh thu thuần	10	6.1	78.362.700.698	168.887.825.358
Giá vốn hàng bán	11	6.2	68.948.326.066	154.077.114.028
Lợi nhuận gộp	20		9.414.374.632	14.810.711.330
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	498.377.120	2.431.035.143
Chi phí tài chính	22	6.4	976.894.213	1.732.319.806
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		804.026.646	1.475.326.386
Chi phí bán hàng	24	6.5	506.819.022	1.331.827.331
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	15.466.055.172	16.844.352.532
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(7.037.016.655)	(2.666.753.196)
Thu nhập khác	31	6.7	1.329.136.496	1.287.685.076
Chi phí khác	32		962.528.256	219.716.237
Lợi nhuận khác	40		366.608.240	1.067.968.839
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(6.670.408.415)	(1.598.784.357)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.13	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(6.670.408.415)	(1.598.784.357)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	(1.431)	(343)

PHẠM NGỌC TUYẾT VÂN
Người lập biểu

PHẠM NGỌC TUYẾT VÂN
Kế toán trưởng




DƯƠNG THỊ MỸ DUNG
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 22 tháng 03 năm 2021


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	(6.670.408.415)	(1.598.784.357)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.964.539.517	7.086.620.144
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	69.697.000	(6.589.719)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	34.139.458	(29.225.287)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(175.594.678)	(3.062.691.688)
Chi phí lãi vay	06	804.026.646	1.475.326.386
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	26.399.528	3.864.655.479
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(744.180.451)	3.278.015.054
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	14.343.560.741	(2.793.426.394)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(3.933.861.777)	(1.158.432.845)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	270.519.305	571.459.060
Tiền lãi vay đã trả	14	(803.474.129)	(1.477.082.314)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(803.286.765)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(158.206.190)	(3.791.538.638)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.000.757.027	(2.309.637.363)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(70.000.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	1.194.750.000	1.383.500.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.000.000.000)	(25.350.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	10.000.000.000	63.590.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	381.050.731	4.036.464.108
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	9.575.800.731	43.589.964.108
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	48.607.535.383	131.091.505.256
Tiền trả nợ gốc vay	34	(76.011.302.445)	(150.926.088.486)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.122.500)	(12.493.350.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(27.411.889.562)	(32.327.933.230)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(8.835.331.804)	8.952.393.515
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	10.689.248.555	1.707.629.753
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(17.389.527)	29.225.287
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	1.836.527.224	10.689.248.555


PHẠM NGỌC TUYẾT VÂN
 Người lập biểu


PHẠM NGỌC TUYẾT VÂN
 Kế toán trưởng


DƯƠNG THỊ MỸ DUNG
 Giám đốc

Đồng Nai, ngày 22 tháng 03 năm 2021 11

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600254266, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2006 với các lần thay đổi, thay đổi lần thứ bảy ngày 06 tháng 8 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán Upcom theo thông báo số 741/TB-SGDHN ngày 08 tháng 12 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với thông tin:

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu Phổ thông
- Mã chứng khoán: TMW
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán đăng ký: 4.662.350 Cổ phiếu
- Tổng giá trị: 46.623.500.000 đồng

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là may mặc, ván ép, cho thuê bất động sản.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Các đơn vị trực thuộc không có pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
- Xí nghiệp May Công nghiệp	Đường số 1, KCN Biên Hòa I, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	May mặc
- Xí nghiệp May Đồng Thịnh	Xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai	May mặc
- Xí nghiệp Ván Ép Tân Mai	Áp Thái Hòa, xã Hố Nai 3, huyện sản xuất ván ép Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất ván ép

Công ty có 2 đơn vị may mặc chủ lực là Xí nghiệp May Công nghiệp và Xí nghiệp May Đồng Thịnh chuyên thực hiện các đơn hàng FOB và hàng may gia công nội địa và xuất khẩu, phần lớn nguyên vật liệu phải nhập khẩu, một số ít được sản xuất trong nước do vậy giá thành sản phẩm phụ thuộc nhiều vào chi phí xuất nhập khẩu và các chi phí khác như điện, nước... Đơn giá gia công giảm trong khi các chi phí lương, chi phí vận chuyển tăng.. đã làm tăng giá thành sản phẩm.

Do đó, Công ty đã tạm dừng Xí nghiệp May Đồng Thịnh từ tháng 4 năm 2019, Xí nghiệp May Công nghiệp từ tháng 9 năm 2020 và Công ty đang tiến hành thủ tục chấm dứt hoạt động của 2 Xí nghiệp này.

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng số nhân viên của Công ty là 96 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 409 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Vietcombank (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Vietcombank (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có linh thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm các chi phí thực hiện sản xuất sản phẩm.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng kể từ khi phát sinh, thời gian phân bổ là 12 tháng.

Chi phí công cụ dụng cụ

Chi phí công cụ, dụng cụ phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.

4.8 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm trích khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản	Thời gian
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 35 năm
Máy móc thiết bị	05 – 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10 năm
Tài sản cố định khác	05 năm

4.10 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30 năm
Cơ sở hạ tầng	05 – 20 năm

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ,

tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

4.18 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.19 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, cho vay ngắn hạn, phải thu khác và đầu tư dài hạn khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.20 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Quan hệ
Quý đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Thanh Bình	Cổ đông lớn
Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Cổ đông lớn
Công ty cổ phần Tổng công ty Tín Nghĩa	Cổ đông lớn
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Đồng Nai	Công ty con của cổ đông
Công ty cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai	Công ty con của cổ đông
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	60.186.531	214.739.009
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		-
- VND	1.216.624.923	4.758.192.916
- USD	53.231.509	110.042.141
- EUR	6.484.261	6.274.489
Các khoản tương đương tiền (*)	500.000.000	5.600.000.000
	1.836.527.224	10.689.248.555

Chi tiết số dư gốc ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2020, Chi tiết như sau:

		Tương đương
		VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- USD	2.311,78	53.231.509
- EUR	232,13	6.484.261
		59.715.770

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (1)	2.000.000.000	2.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
	2.000.000.000	2.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Dài hạn				
Trái phiếu (2)	250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000
	250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000

(1) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội ("SHB") với lãi suất 5,9%/năm (năm 2019 5,3%-6,6%/năm).

(2) Chi tiết tại thời điểm 31/12/2020 bao gồm:

- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, số lượng 1.000 trái phiếu, mệnh giá 100.000 đồng/ trái phiếu, thời hạn từ 25/11/2016 đến 25/11/2026, lãi suất thả nổi và được tính cho mỗi kỳ tính lãi bằng lãi suất tham chiếu +1%/năm.
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, số lượng 5 trái phiếu, mệnh giá 10.000.000 đồng/ trái phiếu, thời hạn từ 29/06/2018 đến 29/06/2028, lãi suất được thả nổi và được tính cho mỗi kỳ tính lãi bằng lãi suất tham chiếu +0,8%/năm.
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, số lượng 10 trái phiếu, mệnh giá 10.000.000 đồng/ trái phiếu, thời hạn từ 29/10/2019 đến 29/10/2026, lãi suất được thả nổi và được tính cho mỗi kỳ tính lãi bằng lãi suất tham chiếu +1%/năm.

5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Đồng Nai	-	-	1.000.000.000	-
Phải thu các khách hàng khác				
Germes LLC	2.549.072.680	-	-	-
Công ty TNHH Bultel international Việt Nam	-	-	2.162.767.915	-
Shin Myung Chul – Xí nghiệp chế biến Gỗ Hồ Nai	2.175.987.180	(2.175.987.180)	2.175.987.180	(2.175.987.180)
Công ty cổ phần Gỗ Đức Bảo	1.702.081.830	(1.702.081.830)	1.702.081.830	(1.702.081.830)
Chi nhánh Công ty TNHH KNA Apparel Sourcing (Việt Nam)	1.321.974.020	-	405.766.100	-
Các khách hàng khác	7.115.649.516	(1.208.274.342)	6.478.863.086	(1.208.274.342)
	14.864.765.226	(5.086.343.352)	13.925.466.111	(5.086.343.352)

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Trả trước người bán khác		
Ông Trần Ngọc Danh	33.000.000	33.000.000
Công ty Luật TNHH MTV Biên Hùng	13.000.000	13.000.000
Công ty CP Phát Triển Báo Sáng	1.500.000	1.500.000
Các tổ chức và cá nhân khác	19.250.000	74.456.140
	66.750.000	121.956.140

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu về tạm ứng	42.023.300	-	94.504.409	-
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.994.521	-	123.068.493	-
Công ty TNHH Depaco – Phải thu tiền thanh lý Công cụ dụng cụ	24.950.154	-	-	-
Đặt cọc thuê máy Biển thể	10.000.000	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1	-	-	-
	78.967.976	-	217.572.902	-

5.6 Nợ xấu

	31/12/2020			01/01/2020		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các tổ chức và cá nhân khác						
Công ty cổ phần Gỗ Đức Bảo – Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	1.702.081.830	-	Trên 3 năm	1.702.081.830	-
Shin Myung Chul – Xi nghiệp chế biển Gỗ Hồ Nai	Trên 3 năm	2.175.987.180	-	Trên 3 năm	2.175.987.180	-
Công ty TNHH May mặc SM – Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	801.235.456	-	Trên 3 năm	801.235.456	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 3 năm	407.038.886	-	Trên 3 năm	407.038.886	-
		5.086.343.352	-		5.086.343.352	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

			Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn VND	
Tại ngày 01/01/2020			5.086.343.352	
Tại ngày 31/12/2020			5.086.343.352	
5.7 Hàng tồn kho				
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.431.392.259	(53.138.122)	4.255.167.190	(239.778.904)
Công cụ, dụng cụ	137.499.031	-	297.098.410	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.091.190.770	-	4.079.394.211	-
Thành phẩm	3.617.289.974	(487.674.364)	12.989.272.964	(231.336.582)
	7.277.372.034	(540.812.486)	21.620.932.775	(471.115.486)
5.8 Chi phí trả trước				
5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn				
			31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
Chi phí bảo hiểm			11.912.505	101.282.471
Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản			10.260.000	-
			22.172.505	101.282.471
5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn				
			31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ			16.877.757	208.287.096
			16.877.757	208.287.096

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2020	52.476.241.696	40.631.129.511	4.173.567.643	1.187.435.993	98.468.374.843
Thanh lý trong năm	-	(6.760.532.465)	(709.090.908)	-	(7.469.623.373)
Tại ngày 31/12/2020	52.476.241.696	33.870.597.046	3.464.476.735	1.187.435.993	90.998.751.470
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2020	20.212.780.203	36.116.749.305	3.365.192.929	1.094.377.040	60.789.099.477
Khấu hao trong năm	1.628.350.890	1.812.321.104	327.229.063	50.072.269	3.817.973.326
Thanh lý trong năm	-	(5.382.496.162)	(686.921.158)	-	(6.069.417.320)
Tại ngày 31/12/2020	21.841.131.093	32.546.574.247	3.005.500.834	1.144.449.309	58.537.655.483
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2020	32.263.461.493	4.514.380.206	808.374.714	93.058.953	37.679.275.366
Tại ngày 31/12/2020	30.635.110.603	1.324.022.799	458.975.901	42.986.684	32.461.095.987

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 30.995.173.916 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 là 32.219.532.362 VND).
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, giá trị còn lại của một số tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay là 28.908.559.426 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 là 30.384.378.178 VND) – Xem thêm mục 5.21.

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm kế toán VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2020	167.243.000
Tăng trong năm	-
Tại ngày 31/12/2020	167.243.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2020	167.243.000
Khấu hao trong năm	-
Tại ngày 31/12/2020	167.243.000
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2020	-
Tại ngày 31/12/2020	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.11 Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa	Cơ sở hạ tầng	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2020	55.570.716.023	3.993.427.464	59.564.143.487
Tại ngày 31/12/2020	55.570.716.023	3.993.427.464	59.564.143.487
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2020	18.432.813.685	2.599.189.172	21.032.002.857
Khấu hao trong năm	1.225.029.613	921.536.578	2.146.566.191
Tại ngày 31/12/2020	19.657.843.298	3.520.725.750	23.178.569.048
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2020	37.137.902.338	1.394.238.292	38.532.140.630
Tại ngày 31/12/2020	35.912.872.725	472.701.714	36.385.574.439

- Bất động sản đầu tư là nhà xưởng, thiết bị truyền dẫn có vị trí tại xã Thiện Tân, Xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.
- Doanh thu phát sinh từ bất động sản đầu tư trong năm 2019 và năm 2020 lần lượt là 11.115.152.823 VND và 13.010.486.188 VND.
- Giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2020. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Giám đốc công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty TNHH MTV Nguyên Mỹ	541.084.500	817.521.109
Công ty TNHH Ván ép Gia Phát	271.762.194	-
Công ty TNHH MTV Gỗ Đạt Lợi	223.071.065	-
Công ty TNHH Ván ép Lê Gia Phát	-	482.981.004
Công ty TNHH MTV Thương mại – Dịch vụ Shuaisheng	-	272.008.550
Các nhà cung cấp khác	1.118.496.626	1.886.098.212
	2.154.414.385	3.458.608.875

5.16.2 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Người mua trả tiền trước khác		
Ông Trần Hồng Phong – Thu trước tiền bán tài sản	956.266.366	-
Công ty TNHH MTV May mặc Quốc Khang – Thu trước tiền bán phế liệu	175.000.000	-
Công ty cổ phần Sản xuất Thương mại Minh Trí	91.080.000	-
Mitsui Bussan I – Fashion Limited	69.458.127	-
Newfashion LLC	-	1.851.749.361
Bà Huệ	-	664.593.303
Các khách hàng khác	15.649.148	400.803.404
	1.307.453.641	2.917.146.068

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.14 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	01/01/2020		Số phát sinh trong năm		31/12/2020	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT	345.528.613	-	2.974.406.019	(3.002.333.913)	317.600.719	-
Thuế nhập khẩu	-	-	246.395.875	(246.395.875)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-(243.421.274)	-	-	-	-(243.421.274)	-
Thuế thu nhập cá nhân	8.899.820	-	37.748.558	(41.648.377)	5.000.001	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-(9.730.167)	-	363.841.296	(356.690.303)	-	(2.579.174)
Thuế môn bài	-	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
Các khoản phải nộp khác	-	-	28.122.689	(28.122.689)	-	-
	354.428.433	(253.151.441)	3.656.514.436	(3.681.191.157)	322.600.720	(246.000.448)

Tiền thuê đất

Trong năm 2020, Công ty vẫn chưa nhận được thông báo nộp tiền thuê đất mới của Các cơ quan ban ngành có thẩm quyền phê duyệt đơn giá đất. Do đó, Công ty thực hiện trích nộp theo đơn giá đất trong 05 năm giai đoạn 2015-2019.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động kinh doanh nội địa là 10%, Xuất khẩu 0%, Thu hộ tiền nước 5%

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

- Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.
- Công ty được áp dụng miễn giảm 30% số thuế TNDN phải nộp trong năm 2020 do đáp ứng điều kiện được quy định tại Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được ước tính như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(6.670.408.415)	(1.598.784.357)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.318.277.535	211.025.240
Thu nhập chịu thuế	(5.352.130.880)	(1.387.759.117)
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế TNDN phát sinh trong năm	-	-
Tổng Thuế TNDN còn phải nộp	-	-

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÓNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Chi phí lãi vay	552.517	32.409.787
Trích trước chi phí gia công	-	144.014.000
Trích trước chi phí bảo vệ	13.636.364	-
Trích trước tiền thuê đất, phí hạ tầng	854.265.694	854.265.694
Trích trước phí dịch vụ	-	55.000.000
Chi phí trợ cấp thôi việc	-	556.326.797
Chi phí phải trả khác	8.660.045	-
	877.114.620	1.642.016.278

5.16 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Tiền trả trước về cho thuê tài sản cố định, bất động sản đầu tư	43.636.362	45.000.000
	43.636.362	45.000.000

5.17 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.17.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Cổ tức lợi nhuận phải trả - Cổ đông lớn	4.665.780.000	1.874.250.000
Thủ lao Hội Đồng Quản trị	-	60.000.000
<i>Phải trả tổ chức và cá nhân khác</i>		
Cổ tức phải trả - Cổ đông thiểu số	940.773.750	476.781.250
Quý Xã Hội CBCNV đóng góp	56.362.116	61.862.116
Nhận ký quỹ – Đặt cọc tiền thuê đất	987.885.000	1.525.166.432
Phải trả khác	432.933.430	399.854.386
	7.083.734.296	4.397.914.184

5.17.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<i>Phải trả tổ chức và cá nhân khác</i>		
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn – Đặt cọc thuê đất Công ty TNHH Tokoseiki Việt Nam	1.000.000.000	220.000.000
Công ty TNHH Parker Seal Việt Nam	1.242.166.432	-
Công ty TNHH Samwoo Polymer	-	372.465.000
Chi nhánh Công ty TNHH Kna Apparel Sourcing (Vietnam)	600.000.000	600.000.000
	2.842.166.432	1.192.465.000

5.17.3 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.18 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn đến hạn trả				
Vay dài hạn đến hạn trả cho các tổ chức khác				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Đồng Nai (1)	2.168.492.024	2.168.492.024	24.941.227.029	24.941.227.029
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Đồng Nai (2)	-	-	3.833.876.018	3.833.876.018
Vay cá nhân (3)	-	-	786.249.503	786.249.503
	2.168.492.024	2.168.492.024	29.561.352.550	29.561.352.550

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	01/01/2020 VND	Số tiền vay phát sinh trong năm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Số tiền trả nợ vay trong năm VND	31/12/2020 VND
Vay và nợ ngắn hạn					
Các tổ chức khác	29.561.352.550	48.607.535.383	10.906.536	(76.011.302.445)	2.168.492.024
	29.561.352.550	48.607.535.383	10.906.536	(76.011.302.445)	2.168.492.024

Thông tin một số khoản vay như sau:

- (1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng VCB theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 2020039/HĐHM/QLN ngày 02 tháng 06 năm 2020 được chi tiết như sau:

Hạn mức tín dụng	: 35.000.000.000 VND
Mục đích vay	: Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
Thời hạn cho vay	: 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
Lãi suất vay	: Theo từng khế ước nhận nợ
Hình thức đảm bảo	: - 02 Nhà xưởng và các công trình phụ trợ khác tọa lạc tại ấp 1, xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (Xí nghiệp may Đồng Thịnh). - Các công trình tọa lạc tại xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (Xí nghiệp Ván ép Tân Mai). - Nhà xưởng và các công trình phụ trợ tọa lạc tại xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (Nhà xưởng chế biến gỗ).
Số dư vay tại 31/12/2020	: 2.168.492.024 tương đương 93.409,09 USD

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.19 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tại ngày đầu năm	768.918.554	1.935.660.785
Trích từ lợi nhuận	-	2.624.796.407
Chi trong năm	(158.206.190)	(3.791.538.638)
Tại ngày cuối năm	610.712.364	768.918.554

5.20 Vốn chủ sở hữu ("CSH")**5.20.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2019	46.623.500.000	24.225.364.017	14.656.736.352	85.505.600.369
Lỗ trong năm	-	-	(1.598.784.357)	(1.598.784.357)
Trích lập quỹ	-	-	(2.624.796.407)	(2.624.796.407)
Số dư 31/12/2019	46.623.500.000	24.225.364.017	10.433.155.588	81.282.019.605
Số dư 01/01/2020	46.623.500.000	24.225.364.017	10.433.155.588	81.282.019.605
Lỗ trong năm	-	-	(6.670.408.415)	(6.670.408.415)
Chia cổ tức	-	-	(3.263.645.000)	(3.263.645.000)
Số dư 31/12/2020	46.623.500.000	24.225.364.017	499.102.173	71.347.966.190

5.20.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 7 ngày 06 tháng 08 năm 2019 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp, vốn điều lệ của Công ty là 46.623.500.000 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 các cổ đông Công ty đã góp đủ vốn, chi tiết như sau:

	31/12/2020			01/01/2020		
	Cổ phiếu	VND	Tỷ lệ	Cổ phiếu	VND	Tỷ lệ
Công ty TNHH Thanh Bình	1.725.100	17.251.000.000	37,00%	17.251.000	17.251.000.000	37,00%
Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	1.544.300	15.443.000.000	33,12%	15.443.000	15.443.000.000	33,12%
Quỹ đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	302.000	3.020.000.000	6,48%	3.020.000	3.020.000.000	6,48%
Công ty cổ phần Tổng công ty Tín Nghĩa	416.500	4.165.000.000	8,93%	4.165.000	4.165.000.000	8,93%
Cổ đông khác	674.450	6.744.500.000	14,47%	6.744.500	6.744.500.000	14,47%
	4.662.350	46.623.500.000	100,00%	46.623.500	46.623.500.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.20.3 Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.662.350	4.662.350
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.662.350	4.662.350
• <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.662.350	4.662.350
• <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
• <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.662.350	4.662.350
• <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.662.350	4.662.350
• <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

5.20.4 Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/NQ.ĐHĐCĐ.GTM ngày 28 tháng 05 năm 2020 như sau:

	VND
• Chia cổ tức 7%	3.263.645.000
	<u>3.263.645.000</u>

5.21 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**Tài sản thuê ngoài:****Công ty ký kết các hợp đồng thuê đất sau:**

- Hợp đồng thuê đất số 54/HĐTĐ ngày 08/07/2008 gồm các thửa đất: Thửa đất 261 tờ bản đồ số 7 có diện tích 1.785,7 m² thửa đất số 9 tờ bản đồ số 18 có diện tích 95.2 m² tại phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, thời hạn thuê đến 01/01/2046. Tiền thuê đất trả hàng năm (đơn giá thuê đất là 3.801,9 đồng/m²/năm).
- Hợp đồng thuê đất số 25/HĐTĐ_TĐTM thửa đất số 284, tờ bản đồ số 36 tại ấp 1 xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai để sử dụng vào mục đích xây dựng nhà máy sản xuất ván ép và hàng mộc để xuất khẩu, thời hạn thuê đến 04/03/2059, Diện tích thuê là 26.561 m². Tiền Thuê đất trả hàng năm (đơn giá thuê đất là 5.250 đồng/m²/năm).
- Hợp đồng thuê đất số 35/HĐTĐ ngày 20/05/2010 thửa đất 68, tờ bản đồ số 25 tại xã Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai để sử dụng vào mục đích làm kho chứa nguyên vật liệu và thành phẩm gỗ chế biến, thời hạn thuê đất đến 31/12/2054. Diện tích đất thuê là 12.340,6 m². Tiền Thuê đất trả hàng năm (đơn giá thuê đất là 1.070 đồng/m²/năm).
- Hợp đồng thuê đất số 110/HĐTĐ gồm các thửa đất: Thửa đất 119, tờ bản đồ số 34 tại xã Thiên Tân, huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai diện tích 12.806,2 m²; thửa đất 279, tờ bản đồ số 36 diện tích 15.159,7 m² tại xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai để sử dụng vào mục đích làm nhà xưởng chế biến gỗ, thời hạn thuê đất đến 15/11/2054. Diện tích đất thuê là 27.965,9 m². Tiền thuê đất trả hàng năm (đơn giá thuê đất là 5.250 đồng/m²/năm).
- Hợp đồng thuê đất số 76/HĐTĐ-BH1 ngày 08/07/2008 thửa đất 33, tờ bản đồ số 35 tại đường I, KCN Biên Hòa I, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, thời hạn thuê từ 01/04/2006 đến 12/04/2051. Diện tích đất thuê là 20.425,9 m². Tiền thuê đất trả hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tài sản nhận giữ hộ

	ĐVT	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Nguyên vật liệu, phụ liệu nhận giữ hộ, thành phẩm gia công bao gồm:			
Áo, quần bảo hộ	Cái	5.233	-
Đinh, nhãn, nút, thùng carton, mắt cáo, loga chữ	Bộ	-	43.786
Lông thú, dây luồn, móc, khoen, đầu dây kéo, nhãn, dây trang trí, bo thun, cục chặn, đệm da, thẻ bài, kẹp nhựa, đạn nhựa, bao PE, nút.	Cái	-	145.314
Chỉ	Cuộn	-	671
Lông vũ	Kg	-	176
Vải, dây thun, bo thun, dây các loại, dụng, keo các loại, nhám, gòn, chỉ	Mét	-	227.837
Dây kéo	Sợi	-	17.470
Vải, keo, gòn, dụng, thun, dây viền	Yds	-	24.550

Ngoại tệ

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Dolla Mỹ (USD)	2.311,78	2.166,62
Đồng Euro (EUR)	232,13	243,05

Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ông Nguyễn Minh Đức	694.584.387	694.584.387
Ông Phạm Trung Kiên	137.500.000	137.500.000
Ông Hà Như Phong	391.638.640	391.638.640
Công ty TNHH Bảy Hồng	83.793.750	83.793.750
Hợp tác xã Quyết Tâm	19.600.000	19.600.000
	1.327.116.777	1.327.116.777

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng	65.256.214.510	157.729.151.285
Doanh thu cho thuê bất động sản	13.010.486.188	11.115.152.823
Doanh thu khác	96.000.000	56.000.000
	78.362.700.698	168.900.304.108
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	-	(12.478.750)
	-	(12.478.750)
Doanh thu thuần	78.362.700.698	168.887.825.358

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Trong đó doanh thu của các bên liên quan:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Công ty TNHH Thanh Bình + Doanh thu bán hàng	100.000.000	-
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Đồng Nai + Doanh thu bán hàng	-	16.846.386.600
Công ty cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai + Doanh thu bán hàng	-	5.142.084.250
	100.000.000	21.988.470.850
6.2 Giá vốn hàng bán		
	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	64.147.164.160	149.570.868.618
Giá vốn cho thuê văn phòng, nhà xưởng	4.801.161.906	4.512.835.129
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(6.589.719)
	68.948.326.066	154.077.114.028
6.3 Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	381.050.731	1.859.259.059
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	117.326.389	542.550.797
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	29.225.287
	498.377.120	2.431.035.143
6.4 Chi phí hoạt động tài chính		
	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí lãi vay	804.026.646	1.475.326.386
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	138.728.109	256.993.420
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	34.139.458	-
	976.894.213	1.732.319.806
6.5 Chi phí bán hàng		
	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	275.602.462	746.603.088
Chi phí bảo hành	3.766.400	-
Chi phí vận chuyển	104.107.636	-
Chi phí ngân hàng	4.852.373	257.224.620
Chi phí bán hàng khác	118.490.151	327.999.623
	506.819.022	1.331.827.331

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoà, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.803.627	83.379.837
Chi phí nhân viên	8.298.972.647	9.424.603.211
Chi phí khấu hao tài sản cố định	504.217.787	682.448.195
Thuế, phí và lệ phí	234.512.414	328.846.666
Chi phí dịch vụ bảo vệ, vận chuyển, phí ngân hàng, tiền điện thoại, internet	923.167.259	1.357.520.599
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.501.381.438	4.967.554.024
	15.466.055.172	16.844.352.532

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	-	1.203.432.629
Xử lý công nợ tồn đọng	689.433.212	-
Thu thanh lý Công cụ, dụng cụ	466.613.759	-
Các khoản thu nhập khác	173.089.525	84.252.447
	1.329.136.496	1.287.685.076

6.8 Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lỗ thanh lý tài sản cố định	205.456.053	-
Chi phí thanh lý công cụ, dụng cụ	30.862.763	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	65.780.398	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	327.742.546	-
Tiền phạt do vi phạm hợp đồng	-	136.349.587
Xử lý công nợ khó đòi	157.946.501	51.456.118
Chi phí khác	174.739.995	31.910.532
	962.528.256	219.716.237

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND (6.670.408.415)	(1.598.784.357)
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	VND -	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND (6.670.408.415)	(1.598.784.357)
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành bình quân trong năm	CP 4.662.350	4.662.350
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/CP (1.431)	(343)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.662.350	4.662.350
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.662.350	4.662.350

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu	26.559.125.948	75.361.104.959
Chi phí nhân công	28.027.487.785	49.169.438.773
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.964.539.517	7.086.620.144
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.443.080.815	34.819.772.867
Chi phí khác	9.516.413.735	6.892.129.833
	75.510.647.800	173.329.066.576

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	48.607.535.383	131.091.505.256
	48.607.535.383	131.091.505.256

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	76.011.302.445	150.926.088.486
	76.011.302.445	150.926.088.486

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản trái phiếu, nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm ngoại trừ các khoản phải thu được trình bày tại thuyết minh số 5.6.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ phải trả tài chính và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận trên cơ sở dòng tiền chưa được chiết khấu theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả:

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2020			
Các khoản vay	2.168.492.024	-	2.168.492.024
Phải trả người bán	2.154.414.385	-	2.154.414.385
Chi phí phải trả	877.114.620	-	877.114.620
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.083.734.296	2.842.166.432	9.925.900.728
	12.283.755.325	2.842.166.432	15.125.921.757
Ngày 01 tháng 01 năm 2020			
Các khoản vay	29.561.352.550	-	29.561.352.550
Phải trả người bán	3.458.608.875	-	3.458.608.875
Chi phí phải trả	1.642.016.278	-	1.642.016.278
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.397.914.184	1.192.465.000	5.590.379.184
	39.059.891.887	1.192.465.000	40.252.356.887

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÀN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Tài sản đảm bảo

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020:

- Công ty đang thế chấp tài sản cố định của mình để đảm bảo cho khoản vay – xem mục 5.10; và
- Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác.

iv. Giá trị hợp lý

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng	9.778.421.874	8.839.122.759	14.864.765.226	13.925.466.111
Phải thu khác	36.944.676	217.572.902	36.944.676	217.572.902
Cho vay ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư	2.250.000.000	10.250.000.000	2.250.000.000	10.250.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.836.527.224	10.689.248.555	1.836.527.224	10.689.248.555
	13.901.893.774	29.995.944.216	18.988.237.126	35.082.287.568
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	2.168.492.024	29.561.352.550	2.168.492.024	29.561.352.550
Phải trả người bán	2.154.414.385	3.458.608.875	2.154.414.385	3.458.608.875
Chi phí phải trả	877.114.620	1.642.016.278	877.114.620	1.642.016.278
Các khoản phải trả khác	9.925.900.728	5.590.379.184	9.925.900.728	5.590.379.184
	15.125.921.757	40.252.356.887	15.125.921.757	40.252.356.887

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Vào ngày 01 tháng 01 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Ban Giám đốc cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc và kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	920.752.319	932.422.219

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Công ty TNHH Thanh Bình	Thông báo chia cổ tức	1.207.570.000	-
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Thông báo chia cổ tức	1.081.010.000	-
Quý Đầu tư Phát triển Tỉnh Đồng Nai	Thông báo chia cổ tức	211.400.000	-
Công ty CP Tổng Công ty Tín Nghĩa	Thông báo chia cổ tức	291.550.000	-
Công ty TNHH Thanh Bình	Mua hàng	24.229.000	-
	Bán hàng	100.000.000	-
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Đồng Nai	Bán hàng	-	16.846.386.600
Công ty cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai	Bán hàng	-	5.142.084.250

CÔNG TY CỔ PHẦN TÓNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Công nợ với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty TNHH Thanh Bình	Phải trả ngắn hạn khác	1.207.570.000	-
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Phải trả ngắn hạn khác	1.081.010.000	-
Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Đồng Nai	Phải trả ngắn hạn khác	211.400.000	-
Công ty CP Tổng Công ty Tín Nghĩa	Phải trả ngắn hạn khác	2.165.800.000	1.874.250.000
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Đồng Nai	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	-	1.000.000.000

9.2 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	<u>Kinh doanh may mặc</u>	<u>Kinh doanh chế biến gỗ</u>	<u>Các hoạt động khác</u>	<u>Tổng cộng toàn doanh nghiệp</u>
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	30.727.958.195	34.528.256.315	13.106.486.188	78.362.700.698
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(13.118.839.404)	1.314.890.684	4.439.189.519	(7.364.759.201)
Tài sản bộ phận	5.576.699.635	18.667.428.799	65.634.819.324	89.878.947.758
Nợ phải trả bộ phận	211.979.501	3.198.838.642	15.120.163.425	18.530.981.568

Theo khu vực địa lý:

	<u>Trong nước</u>	<u>Xuất khẩu</u>	<u>Tổng cộng toàn doanh nghiệp</u>
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	51.857.757.005	26.504.943.693	78.362.700.698
Tài sản bộ phận	-	-	65.634.819.324

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

9.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.



PHẠM NGỌC TUYẾT VÂN
Người lập



PHẠM NGỌC TUYẾT VÂN
Kế toán trưởng



DƯƠNG THỊ MỸ DUNG
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 22 tháng 03 năm 2021